

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *03* /2019/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày *14* tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý khai thác
và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày *25* tháng 02 năm 2019 và thay thế Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về việc phân cấp quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban,

ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Bộ NN&PTNT;
- TT. TU, TT. UBND tỉnh;
- UBNDTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Website Chính phủ;
- Phòng: KT, THNV;
- Lưu: VT, NN 76 bản

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND
ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- Công trình thủy lợi cấp I, cấp II, cấp III: là công trình (cấp nước hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít phục vụ tỉnh Trà Vinh khoảng 125.000 ha nguồn lấy nước chính từ sông Tiền và sông Hậu) lấy nước từ sông ngòi tự nhiên vào hệ thống là công trình cấp I, công trình dẫn nước từ công trình cấp I là công trình cấp II, công trình dẫn nước từ công trình cấp II là công trình cấp III đây cũng là cấp cuối cùng của hệ thống vì đã đưa nước đến mặt ruộng để phục vụ sản xuất.

- Hệ thống kênh tưới: bao gồm các kênh dẫn nước tưới và các công trình trên kênh.

- Các công trình trên kênh: bao gồm các công trình lấy nước, các công trình điều tiết, công trình đo nước, công trình chuyển nước, công trình tiêu nước, công trình xả nước khi có sự cố và xả nước cuối kênh, công trình giao thông và các công trình phục vụ quản lý hệ thống kênh tưới. Áp dụng cụ thể trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thì kênh và hệ thống trạm bơm là công trình chuyển nước, tiêu nước; cống là công trình điều tiết nước.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 3. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công trình thủy lợi cấp tỉnh bao gồm: Công trình thủy lợi đầu mối, công trình thủy lợi cấp I, cấp II; Hệ thống trạm bơm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý công trình thủy lợi cấp tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quản lý công trình thủy lợi cấp III, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý công trình thủy lợi cấp huyện.

2. Đối với công trình thủy lợi do tổ chức, cá nhân tự đầu tư xây dựng thì tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm quản lý.

3. Đối với đập: Theo phân cấp công trình có 04 cấp gồm cấp I, II, III, IV. Công trình đập nằm trên kênh cấp nào thì giao cho cấp đó quản lý.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Quản lý thống nhất theo hệ thống công trình thủy lợi, từ công trình đầu mối đến công trình thủy lợi nội đồng; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nước phục vụ sản xuất, dân sinh và các mục đích khác. Mỗi hệ thống công trình thủy lợi hoặc công trình thủy lợi phải do một tổ chức hoặc cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Trong cùng một hệ thống công trình thủy lợi có hai hoặc ba cấp quản lý phải tuân thủ theo quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố công khai theo quy định.

3. Đối với công trình thủy lợi do tổ chức cá nhân tự đầu tư xây dựng, việc khai thác và bảo vệ công trình theo mục tiêu, nhiệm vụ thiết kế và tiềm năng, lợi thế của công trình và tuân thủ theo quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố công khai theo quy định.

Chương III

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 5. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

2. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình và phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

3. Phạm vi vùng phụ cận đối với từng loại hình công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được quy định cụ thể như sau:

a) Đập: Công trình đập trên địa bàn tỉnh Trà Vinh hầu hết các đập chắn nước bằng đất có chiều cao đập ≤ 15 m, theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia QCVN 04 - 05 : 2012/BNNTPTNT thuộc công trình cấp III và cấp IV, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ đập được xác định như sau:

- Đối với đập cấp III (chiều cao đập $5\text{ m} < H \leq 15\text{ m}$): Phạm vi vùng phụ cận tính từ chân đập trở ra tối thiểu là 50 m.

- Đối với đập cấp IV (chiều cao đập $H \leq 5\text{ m}$): Phạm vi vùng phụ cận tính từ chân đập trở ra tối thiểu là 20 m.

b) Kênh (đất): Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ của kênh được tính từ chân mái ngoài bờ kênh trở ra mỗi phía, cụ thể như sau:

- Kênh tạo nguồn, kênh cấp I (có lưu lượng lớn hơn $10\text{ m}^3/\text{s}$), tối thiểu là 5 m.

- Kênh cấp II (có lưu lượng từ $5\text{ m}^3/\text{s}$ đến $10\text{ m}^3/\text{s}$), tối thiểu là 3 m.

- Kênh cấp III (có lưu lượng từ $2\text{ m}^3/\text{s}$ đến nhỏ hơn $5\text{ m}^3/\text{s}$), tối thiểu là 2 m.

Ngoài ra, đối với những đoạn kênh, tuyến kênh kết hợp đường giao thông nông thôn phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình thực hiện theo quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông và quy định về bảo vệ công trình thủy lợi.

c) Hệ thống trạm bơm:

- Công trình đầu mối (nhà trạm, bể hút, bể xả): Phạm vi bảo vệ được tính theo hàng rào được xây dựng, phạm vi vùng phụ cận bảo vệ được tính từ hàng rào trở ra 5 m.

- Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ của kênh tưới, tiêu của trạm bơm tính từ chân mái ngoài trở ra mỗi phía, cụ thể:

- + Kênh tưới (kênh nổi có lưu lượng nhỏ hơn $2\text{ m}^3/\text{s}$) đã kiên cố, tối thiểu là 1 m.

- + Kênh tưới, tiêu chưa được kiên cố (kênh đất có lưu lượng từ $5\text{ m}^3/\text{s}$ đến $10\text{ m}^3/\text{s}$), tối thiểu là 3 m.

- + Phạm vi vùng phụ cận của cống, đập điều tiết nước của trạm bơm được tính từ phần xây đúc ngoài cùng của cống, đập trở ra 2 m.

d) Cống: Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ của cống được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía, cụ thể như sau:

- Cống trên sông được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra mỗi phía 50 m;

- Cống trên các kênh cấp I, cấp II được tính từ phần xây đúc cuối cùng của cống trở ra mỗi phía:

- + Cống hở có tổng chiều rộng cửa $B \geq 10\text{ m}$: 20 m;

- + Cống hở có tổng chiều rộng cửa $3\text{ m} \leq B < 10\text{ m}$: 15 m;

- + Cống hở có tổng chiều rộng cửa $B < 3\text{ m}$: 10 m;

- + Công ngầm có tổng chiều rộng cửa > 2 m : 8 m;
- + Công ngầm có tổng chiều rộng cửa ≤ 2 m : 5 m.

Ngoài ra, các công qua đê phạm vi bảo vệ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đê điều; đối với các công – cầu giao thông kết hợp phạm vi vùng phụ cận bảo vệ bao gồm phạm vi bảo vệ của công và phạm vi bảo vệ của cầu giao thông được tính theo hành lang an toàn giao thông cầu.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thống nhất chung về quản lý nhà nước đối với hành lang, vùng phụ cận công trình cấp I, cấp II và xem xét, quyết định cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ nếu không gây ảnh hưởng đến an toàn công trình và vận hành của tất cả các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý thống nhất chung về quản lý nhà nước đối với hành lang, vùng phụ cận đối với công trình cấp III.

5. Việc quản lý hành lang, vùng phụ cận của công trình thủy lợi sẽ do đơn vị quản lý, khai thác trực tiếp công trình đó quản lý để đảm bảo cho việc vận hành và an toàn công trình và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện xem xét quyết định các vấn đề vi phạm nếu có.

Điều 6. Quy trình vận hành công trình thủy lợi

1. Việc lập quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi được quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Thủy lợi; thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành được quy định tại khoản 3 Điều 24 Luật Thủy lợi, cụ thể trên địa bàn tỉnh:

- Đối với những công trình thủy lợi do cấp tỉnh quản lý (cấp I, cấp II):

+ Công trình được đầu tư, xây dựng mới thì chủ đầu tư có trách nhiệm lập quy trình vận hành trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố công khai.

+ Công trình đã đầu tư xây dựng hoàn thành hiện đang khai thác, sử dụng mà chưa có quy trình vận hành thì đơn vị quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm lập quy trình vận hành trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố công khai.

- Đối với những công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý (cấp III):

+ Công trình được đầu tư, xây dựng mới thì chủ đầu tư có trách nhiệm lập quy trình vận hành trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và công bố công khai.

+ Công trình đã đầu tư xây dựng hoàn thành hiện đang khai thác, sử dụng mà chưa có quy trình vận hành thì đơn vị quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm lập quy trình vận hành trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và công bố công khai.

2. Về cấp thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp hệ thống công trình thủy lợi có nhiều cấp công trình trên địa bàn tỉnh: cấp phê duyệt là cấp tương ứng với cấp công trình thủy lợi cao nhất trong hệ thống. Cụ thể nếu trong hệ

thống công trình thủy lợi bao gồm công trình cấp I, cấp II, cấp III thì quy trình vận hành của hệ thống sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (tương ứng với cấp công trình cao nhất là cấp I).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện quy định này; đồng thời, tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật về thủy lợi. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Rà soát, thống kê, quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ về các công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý và thực hiện chế độ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; giám sát, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi đúng theo quy định hiện hành.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị khai thác sử dụng công trình thủy lợi, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kế hoạch vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo quy trình vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm hệ thống vận hành đồng bộ, thông suốt và an toàn.

e) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh các hoạt động về quản lý nước theo khoản 1 Điều 20 của Luật Thủy lợi. Còn lại các hoạt động tài nguyên nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc các đơn vị liên quan khác như lĩnh vực tài nguyên môi trường, lĩnh vực giao thông thủy... thì phối hợp với các đơn vị liên quan để thực hiện đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành có liên quan và các địa phương thẩm định nhu cầu sử dụng đất để thu hồi đất, giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đúng theo quy định của Luật Đất đai và Luật Thủy lợi.

3. Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và địa phương thực hiện việc cấp phép xây dựng đảm bảo tuân thủ các quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; kiểm tra xử lý, giải quyết các hoạt động xây dựng có liên quan đến phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Giao thông vận tải: Phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương thực hiện quy hoạch, mạng lưới giao thông đảm bảo phù hợp với quy

hoạch hệ thống thủy lợi, an toàn công trình thủy lợi và không gây cản trở dòng chảy; xác định phạm vi lộ giới gắn với phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với những công trình thủy lợi có kết hợp với giao thông.

5. Sở Công Thương: Thực hiện quy hoạch phát triển điện lực, các dự án, công trình điện trên địa bàn tỉnh bảo đảm phù hợp với quy hoạch, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi, không vi phạm quy định về bảo vệ công trình thủy lợi.

7. Công an tỉnh: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo việc ngăn chặn, xử lý các hành vi phá hoại, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức triển khai, thực hiện quy định này trên địa bàn quản lý; đồng thời, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về thủy lợi cho Nhân dân biết, thực hiện tốt các quy định trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thủy lợi theo quy định pháp luật về thủy lợi.

3. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, phổ biến trong Nhân dân trên địa bàn quản lý thực hiện các quy định về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở trong trường hợp chưa thành lập được tổ chức thủy lợi cơ sở.

3. Tổ chức xử lý khi công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý xảy ra sự cố theo quy định của pháp luật.

4. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý; thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không để xảy ra vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý.

5. Giải quyết theo thẩm quyền các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật; Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý theo quy định.

6. Tổng hợp, báo cáo về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hoàng